



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05-06
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	07-38
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	07-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12-38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam theo Quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 15/10/2007 và Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 09/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100103175 ngày 16/06/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 15/07/2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hải	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
Ông Vũ Văn Lung	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 31/03/2022
Ông Lý Thái Hải	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 08/06/2022
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
Ông Lương Cao Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
Bà Đặng Thanh Tú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
Ông Lý Thái Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31/03/2022
Ông Lê Mạnh Hiệp	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31/03/2022
Ông Nguyễn Chí Trường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31/03/2022
Ông Đỗ Ngọc Cương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31/03/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lương Cao Anh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2023
Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02/06/2022
Ông Vũ Văn Lung	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/06/2022 và miễn nhiệm ngày 01/01/2023
Ông Nguyễn Duy Thoan	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2022
Ông Lê Nho Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/08/2022
Ông Đỗ Ngọc Cương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/08/2022
Ông Nguyễn Hữu Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/12/2022
Ông Phạm Văn Tứ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/02/2023
Ông Nguyễn Chí Trường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/02/2023
Ông Vũ Văn Lung	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06/04/2022
Bà Đỗ Thị Cẩm Tú	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/05/2022
Bà Phan Kim Yến	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 30/04/2022

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trương Kiều Minh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
Bà Phạm Thúy Quỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
Ông Ngô Thế Tráng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
Bà Bùi Thị Lê	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 31/03/2022
Ông Tăng Thành Long	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31/03/2022
Bà Đoàn Thị Minh Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31/03/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lương Cao Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được lập ngày 29 tháng 03 năm 2023, từ trang 07 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Tại thời điểm 31/12/2021, Tổng Công ty chưa đối chiếu, xác nhận đầy đủ các khoản các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải trả người bán, và người mua trả tiền trước với số tiền lần lượt là 20,7 tỷ đồng; 1,5 tỷ đồng; 7,6 tỷ đồng và 3,4 tỷ đồng. Điều này đã dẫn đến việc chúng tôi phải nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Tổng Công ty. Vấn đề này vẫn chưa được Tổng Công ty khắc phục triệt để, các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải trả người bán và người mua trả tiền trước chưa đối chiếu, xác nhận tại thời điểm 31/12/2022 lần lượt là 15,7 tỷ đồng; 1,1 tỷ đồng; 6,3 tỷ đồng và 0,9 tỷ đồng. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán theo quy định nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để có thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

2. Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi vẫn chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến việc đánh giá và ước tính chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại thời điểm 31/12/2022. Do đó, chúng tôi chưa xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" cũng như những ảnh hưởng (nếu có) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tổng Công ty.

3. Dựa trên các thông tin hiện có, chúng tôi đã không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định khả năng thu hồi của tổng số dư phải thu tại ngày 31/12/2022 là 3,2 tỷ đồng (các khoản nợ này phát sinh từ năm 2020 trở về trước) bao gồm trong số dư nợ phải thu không có đối chiếu nêu trên. Theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản mục nêu trên hay không và các ảnh hưởng nếu có đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu tại mục "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như Tổng Công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 5 - Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2022, một số khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hợp đồng với tổng số tiền là 8,4 tỷ đồng. Tuy nhiên, do đặc thù hoạt động của Tổng Công ty là tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình xây dựng thủy điện, thủy lợi thuộc các chủ đầu tư là các ban A trực thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thuộc các tỉnh, các công trình Tổng Công ty thực hiện thường có thời gian thanh quyết toán kéo dài với chủ đầu tư nên Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đánh giá các khoản công nợ trên vẫn có khả năng thu hồi khi quyết toán.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2023-002-1

Ngô Hoàng Hà
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 3999-2023-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		174.101.049.411	161.707.022.547
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	22.281.605.441	20.585.564.805
111	1. Tiền		22.281.605.441	18.285.564.805
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	2.300.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	3.852.063.069	1.263.600.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.852.063.069	1.263.600.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		106.181.079.683	102.868.386.369
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	58.998.569.361	61.119.046.008
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	10.938.096.879	8.617.554.007
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	36.244.413.443	33.131.786.354
140	IV. Hàng tồn kho	8	41.072.534.070	36.590.720.328
141	1. Hàng tồn kho		41.072.534.070	36.590.720.328
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		713.767.148	398.751.045
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	-	4.750.000
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		570.195.385	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	143.571.763	394.001.045
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		34.599.280.424	23.177.565.658
220	II. Tài sản cố định		15.172.358.225	16.776.897.487
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	15.172.358.225	16.776.897.487
222	- Nguyên giá		48.819.785.578	52.161.873.189
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(33.647.427.353)	(35.384.975.702)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228	- Nguyên giá		1.094.660.000	1.094.660.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.094.660.000)	(1.094.660.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	12.566.704.268	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		12.566.704.268	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	5.400.796.694	5.115.458.890
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		3.805.073.025	3.747.459.584
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.595.723.669	1.367.999.306
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.459.421.237	1.285.209.281
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	645.379.958	471.168.002
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		814.041.279	814.041.279
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		208.700.329.835	184.884.588.205

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		128.445.453.877	106.558.123.905
310	I. Nợ ngắn hạn		118.487.730.932	104.207.714.806
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	17.999.056.206	16.870.159.561
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	19.058.851.483	16.947.382.945
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	4.781.785.892	4.352.374.118
314	4. Phải trả người lao động		7.598.502.215	8.533.862.168
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	33.290.405.981	19.317.831.516
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	9.605.936.100	13.812.684.180
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	23.356.273.580	21.802.369.089
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.796.919.475	2.571.051.229
330	II. Nợ dài hạn		9.957.722.945	2.350.409.099
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	9.957.722.945	2.089.909.099
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	-	260.500.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		80.254.875.958	78.326.464.300
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	80.254.875.958	78.326.464.300
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		44.000.000.000	44.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		44.000.000.000	44.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		356.849.738	356.849.738
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		22.249.767.368	18.744.562.342
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.337.979.043	7.296.662.797
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối kỳ trước		2.570.858.694	2.641.576.233
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		3.767.120.349	4.655.086.564
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		7.310.279.809	7.928.389.423
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		208.700.329.835	184.884.588.205

Phạm Vũ Toàn
Người lập

Đỗ Thị Cẩm Tú
Kế toán trưởng

Luong Cao Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	120.367.981.666	122.245.417.794
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		120.367.981.666	122.245.417.794
11	4. Giá vốn hàng bán	23	99.370.804.649	103.700.464.479
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20.997.177.017	18.544.953.315
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.366.173.060	852.759.856
22	7. Chi phí tài chính	25	1.313.689.240	1.221.431.756
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>1.308.117.789</i>	<i>1.169.111.517</i>
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		57.613.441	(47.893.641)
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	15.898.723.039	15.436.278.098
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.208.551.239	2.692.109.676
31	12. Thu nhập khác	27	1.433.800.666	4.895.086.879
32	13. Chi phí khác	28	1.211.734.337	1.259.156.284
40	14. Lợi nhuận khác		222.066.329	3.635.930.595
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.430.617.568	6.328.040.271
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	1.053.235.509	872.574.637
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>4.377.382.059</u>	<u>5.455.465.634</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		3.767.120.349	4.655.086.564
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		610.261.710	800.379.070
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	856	1.058

Phạm Vũ Toàn
Người lập

Đỗ Thị Cẩm Tú
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤTNăm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		5.430.617.568	6.328.040.271
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.786.031.307	1.766.461.340
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	49.417.000
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.856.100.327)	(1.362.302.579)
06	- Chi phí lãi vay		1.308.117.789	1.169.111.517
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		6.668.666.337	7.950.727.549
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(3.714.215.047)	14.373.031.022
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(4.481.813.742)	(9.577.004.473)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		22.895.286.996	(8.654.587.980)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(169.461.956)	112.550.699
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.213.079.197)	(1.158.227.407)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(517.312.373)	(1.255.445.955)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.615.662.155)	(2.699.009.061)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		17.852.408.863	(907.965.606)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(12.851.008.813)	(1.911.716.980)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		876.326.559	557.436.364
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.852.063.069)	(1.263.600.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.263.600.000	2.200.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(227.724.363)	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.029.131.731	869.696.842
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(13.761.737.955)	451.816.226
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		22.592.237.371	10.643.953.543
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(21.038.332.880)	(14.626.399.015)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.948.534.763)	(753.885.650)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.394.630.272)	(4.736.331.122)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.696.040.636	(5.192.480.502)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT


Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		20.585.564.805	25.827.462.307
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(49.417.000)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>22.281.605.441</u>	<u>20.585.564.805</u>



Phạm Vũ Toàn
Người lập



Đỗ Thị Cẩm Tú
Kế toán trưởng



Lương Cao Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam theo Quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 15/10/2007 và Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 09/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100103175 ngày 16/06/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 15/07/2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 44.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 44.000.000.000 đồng; tương đương 4.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 201 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 245 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Tư vấn, khảo sát, thiết kế các công trình xây dựng, thủy lợi.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- In đồ án thiết kế, các tài liệu chuyên môn nghiệp vụ, tạp chí, sách báo theo quy định và giấy phép của cơ quan có thẩm quyền; Xuất nhập khẩu, làm đại lý, dịch vụ, thương mại máy móc, thiết bị, vật tư in và tư vấn về in;
- Thí nghiệm đất, đá, nước, nền, móng, vật liệu, kết cấu xây dựng phục vụ thiết kế, kiểm tra chất lượng công trình, kiểm định chất lượng xây dựng, xác định nguyên nhân sự cố công trình;
- Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc đề tài nghiên cứu chuyển giao công nghệ: khoan, phụt, xử lý nền và thân công trình, sửa chữa xe, máy chuyên dùng và gia công cơ khí;
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án thủy lợi, thủy điện;
- Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới vào thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện;
- Quản lý dự án, đầu tư và xây dựng công trình;
- Tham gia đào tạo bồi dưỡng các chức danh tư vấn xây dựng (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế, thẩm định dự toán công trình (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề);
- Tư vấn về lập dự án đầu tư, thiết kế, đấu thầu (không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong Xây dựng) và hợp đồng kinh tế trong xây dựng (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện, lắp đặt thiết bị; Giám sát thi công xây dựng công trình: lĩnh vực chuyên môn khảo sát địa chất, khảo sát trắc địa, khảo sát địa chất thủy văn;
- Khảo sát xây dựng các công trình bao gồm: khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát trắc địa, khảo sát địa vật lý, khảo sát thủy văn, môi trường.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3 (HEC 3)	Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	58,76%	58,76%	Tư vấn, khảo sát xây dựng
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	50,65%	50,65%	Tư vấn, thiết kế xây dựng

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn...được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 45 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm	03 - 05 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, số tiền khách hàng trả trước cho công trình thực hiện trong nhiều năm tài chính.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, khảo sát và thiết kế chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty. Mặt khác, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	1.432.102.190	1.641.988.321
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.849.503.251	16.643.576.484
Các khoản tương đương tiền	-	2.300.000.000
	<u>22.281.605.441</u>	<u>20.585.564.805</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	3.852.063.069	-	1.263.600.000	-
	<u>3.852.063.069</u>	<u>-</u>	<u>1.263.600.000</u>	<u>-</u>

(*) Tại ngày 31/12/2022 các tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 4,6%/năm được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được dùng để đảm bảo cho hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hà Nội.

(Xem thêm thông tin tại thuyết minh 19).

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP
Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Dài hạn

	31/12/2022		01/01/2022					
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND
Đầu tư vào công ty liên kết								
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Ninh Bình	30,00	30,00	2.680.170.347	Ninh Bình	30,00	30,00	2.668.496.290
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Hà Nội	76,92	40,00	1.124.902.678	Hà Nội	76,92	40,00	1.078.963.294
				3.805.073.025				3.747.459.584

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 34 .

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty Tư vấn Công trình Châu Á - Thái Bình Dương	1.595.723.669	-	1.367.999.306	-
	1.595.723.669	-	1.367.999.306	-
				Tỷ lệ quyền biểu quyết %
				18,92
				18,92

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>				
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	474.194.000	-	2.474.194.000	-
	<u>474.194.000</u>	<u>-</u>	<u>2.474.194.000</u>	<u>-</u>
<i>Bên khác</i>				
- Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7	1.372.782.000	-	2.958.219.000	-
- Ban Quản lý dự án Sông Tích	1.217.413.000	-	1.217.413.000	-
- Ban quản lý dự án giao thông và nông thôn Đăk Lăk EaHleo 1	-	-	2.899.207.000	-
- Ban quản lý dự án nông nghiệp và phát triển nông thôn Phú Thọ	549.520.000	-	1.122.200.000	-
- Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn Thanh Hoá	3.871.204.699	-	4.194.439.699	-
- Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng công trình giao thông Quảng Ngãi	1.631.000.000	-	1.631.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng 47	2.768.458.784	-	2.655.890.869	-
- Bộ Tư lệnh bảo vệ lãng Hồ Chí Minh	301.386.421	-	300.286.449	-
- Vụ đề điều - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-	-	3.015.150.000	-
- Công ty Hiệp Phú - Khoan phụt Hồ Noong Mò	329.114.000	-	329.114.000	-
- Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng giao thông thủy lợi Đăk Lăk	6.243.554.000	-	-	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Ban quản lý dự án nông nghiệp và phát triển nông thôn Bình Định	4.384.268.000	-	300.000.000	-
- Phải thu khách hàng khác	35.855.674.457	-	38.021.931.991	-
	58.524.375.361	-	58.644.852.008	-
	58.998.569.361	-	61.119.046.008	-

Trong đó, tổng số công nợ đã quá hạn thanh toán là 8,4 tỷ đồng. Tuy nhiên, do đặc thù hoạt động của Tổng Công ty là tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình xây dựng thủy điện, thủy lợi thuộc các chủ đầu tư là các ban A trực thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thuộc các tỉnh, các công trình Tổng Công ty thực hiện thường có thời gian thanh quyết toán kéo dài với chủ đầu tư nên Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá các khoản công nợ trên vẫn có khả năng thu hồi khi quyết toán.

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng số 2	1.380.000.000	-	1.530.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi thủy điện	682.005.000	-	682.005.000	-
	2.062.005.000	-	2.212.005.000	-
Bên khác				
- Công ty TNHH Khảo sát và Xây dựng 3 Nhất	4.511.029.000	-	3.636.029.000	-
- Công ty Tân Quang	810.000.000	-	330.000.000	-
- Trả trước cho người bán khác	3.555.062.879	-	2.439.520.007	-
	8.876.091.879	-	6.405.549.007	-
	10.938.096.879	-	8.617.554.007	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Chi tiết theo nội dung</i>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	4.158.904	-
Phải thu người lao động	5.113.923.429	-	3.297.048.404	-
Tạm ứng	30.019.580.661	-	25.272.814.302	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	1.844.912.448	-
Phải thu người lao động thuế TNCN	5.000.000	-	286.346.491	-
Bảo hiểm xã hội của người lao động	51.982.204	-	344.954.063	-
Phải thu về đề tài khoa học	-	-	405.000.000	-
Phải thu khác	1.053.927.149	-	1.676.551.742	-
	36.244.413.443	-	33.131.786.354	-
<i>Chi tiết theo đối tượng</i>				
Phải thu các đối tượng khác	36.244.413.443	-	33.131.786.354	-
	36.244.413.443	-	33.131.786.354	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.351.743.827	-	1.416.575.924	-
Công cụ, dụng cụ	142.280.401	-	174.583.343	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	39.578.509.842	-	34.999.561.061	-
	41.072.534.070	-	36.590.720.328	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá											
Số dư đầu kỳ	23.407.740.472	14.664.443.940	12.567.165.785	1.336.844.153	185.678.839	52.161.873.189					
- Mua trong kỳ	-	180.000.000	-	104.304.545	-	284.304.545					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.536.893.516)	(1.632.333.997)	(269.564.643)	-	(3.438.792.156)					
- Giảm khác (*)	-	(187.600.000)	-	-	-	(187.600.000)					
Số dư cuối kỳ	23.407.740.472	13.119.950.424	10.934.831.788	1.171.584.055	185.678.839	48.819.785.578					
Giá trị hao mòn lũy kế											
Số dư đầu kỳ	13.719.156.386	10.040.630.244	10.287.990.091	1.151.520.142	185.678.839	35.384.975.702					
- Khấu hao trong kỳ	564.101.934	643.213.497	487.901.080	90.814.796	-	1.786.031.307					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.434.081.016)	(1.632.333.997)	(269.564.643)	-	(3.335.979.656)					
- Giảm khác (*)	-	(187.600.000)	-	-	-	(187.600.000)					
Số dư cuối kỳ	14.283.258.320	9.062.162.725	9.143.557.174	972.770.295	185.678.839	33.647.427.353					
Giá trị còn lại											
Tại ngày đầu kỳ	9.688.584.086	4.623.813.696	2.279.175.694	185.324.011	-	16.776.897.487					
Tại ngày cuối kỳ	9.124.482.152	4.057.787.699	1.791.274.614	198.813.760	-	15.172.358.225					

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13.117.767.619 đồng.

(*) Tài sản giảm trong kỳ là máy móc thiết bị bị lũ cuốn trôi theo biên bản hiện trường ngày 23/03/2022.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tại thời điểm 31/12/2022, tài sản cố định vô hình của Công ty là các loại phần mềm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế là 1.094.660.000 đồng.

11 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Dự án sửa chữa cải tạo trụ sở văn phòng công ty	12.566.704.268	-
	12.566.704.268	-

Tên dự án: Dự án sửa chữa cải tạo trụ sở văn phòng công ty

- Địa điểm xây dựng: Số 02 Ngõ 95 Phố Chùa Bộc, Đống Đa, TP Hà Nội;
- Mục đích xây dựng: Phục vụ sử dụng nội bộ và cho thuê văn phòng;
- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Tư vấn xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP;
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có và vốn vay;
- Tổng mức đầu tư: 35 tỷ đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và thời gian dự kiến hoàn thành: Thực hiện từ tháng 10/2022 và dự kiến hoàn thành trong tháng 05/2023;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2022: Đã hoàn thành mặt trước của tòa nhà, đang trong giai đoạn hoàn thiện nội thất, lát sàn, trần thạch cao.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	4.750.000
	-	4.750.000
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa văn phòng	149.142.769	44.708.257
Công cụ dụng cụ xuất dùng	394.845.403	328.324.745
Chi phí trả trước dài hạn khác	101.391.786	98.135.000
	645.379.958	471.168.002

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ban QLDA Đầu tư xây dựng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lâm Đồng - Tahoe	7.500.000.000	7.500.000.000
Công ty TNHH Trường Thịnh	-	2.175.000.000
Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7	5.048.182.000	1.100.000.000
Ban QLDA tỉnh Hà Tĩnh - Hương Khê	-	1.285.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng 384	-	1.459.135.000
Công ty Cổ phần Lahills Hòa Bình	3.786.700.337	-
Các khoản người mua trả tiền trước khác	2.723.969.146	3.428.247.945
	19.058.851.483	16.947.382.945

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liet,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>				
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	-	-	127.749.000	127.749.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	1.960.437.100	1.960.437.100	1.137.865.100	1.137.865.100
	<u>1.960.437.100</u>	<u>1.960.437.100</u>	<u>1.265.614.100</u>	<u>1.265.614.100</u>
<i>Bên khác</i>				
- Công ty Tư vấn Xây dựng Điện I	730.500.000	730.500.000	730.500.000	730.500.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Ninh	2.045.094.000	2.045.094.000	2.045.094.000	2.045.094.000
- Công ty TNHH trắc địa Việt Nam	-	-	1.320.175.000	1.320.175.000
- Công ty TNHH Khảo sát và Xây dựng 3 Nhất	683.232.000	683.232.000	470.882.000	470.882.000
- Trung tâm Thương mại - Dịch vụ Phát Đạt	1.654.467.900	1.654.467.900	1.902.680.000	1.902.680.000
- Phải trả các đối tượng khác	10.925.325.206	10.925.325.206	9.135.214.461	9.135.214.461
	<u>16.038.619.106</u>	<u>16.038.619.106</u>	<u>15.604.545.461</u>	<u>15.604.545.461</u>
	<u>17.999.056.206</u>	<u>17.999.056.206</u>	<u>16.870.159.561</u>	<u>16.870.159.561</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THÚY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	3.354.032.229	7.102.477.321	6.881.219.807	123.412.563	3.698.702.306
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	77.596.726	208.595.085	1.359.166.972	517.312.373	-	972.852.958
Thuế Thu nhập cá nhân	270.078.781	484.284.061	712.904.760	816.879.412	-	110.230.628
Thuế Nhà đất, tiền thuế đất	-	262.482.562	3.130.062.367	3.392.544.929	-	-
Các loại thuế khác	26.205.938	42.980.181	14.968.586	31.742.829	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	20.119.600	-	32.197.210	32.236.810	20.159.200	-
	394.001.045	4.352.374.118	12.351.777.216	11.671.936.160	143.571.763	4.781.785.892

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	118.144.702	23.106.110
- Chi phí trích trước đầu phụ các công trình	33.172.261.279	19.294.725.406
	33.290.405.981	19.317.831.516

17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	7.975.268.400	107.454.554
- Doanh thu giám sát tác giả	1.982.454.545	1.982.454.545
	9.957.722.945	2.089.909.099

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	2.694.826.683	2.726.539.183
- Bảo hiểm xã hội	-	117.605.113
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.076.075.937	4.417.184.700
- Phải trả Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Bình Thuận	638.199.355	1.041.639.355
- Phải trả tiền bảo hiểm các công trình	73.274.000	73.268.001
- Các khoản tiền vay phải trả cán bộ nhân viên	2.945.417.818	915.537.564
- Phải trả về đề tài khoa học	-	405.000.000
- Phải trả Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP	468.411.300	468.411.300
- Tiền lương phải trả cho người lao động đã nghỉ việc	521.608.034	534.232.125
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.188.122.973	3.113.266.839
	9.605.936.100	13.812.684.180
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	260.500.000
	-	260.500.000

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP
Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

19 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ⁽¹⁾	4.849.308.850	4.849.308.850	14.598.694.371	10.103.902.962	9.344.100.259	9.344.100.259
- Vay cá nhân ⁽²⁾	16.953.060.239	16.953.060.239	7.993.543.000	10.934.429.918	14.012.173.321	14.012.173.321
	21.802.369.089	21.802.369.089	22.592.237.371	21.038.332.880	23.356.273.580	23.356.273.580

Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01/2022/CTD/VCBHN-TV/TL ngày 23/11/2022, với các điều khoản chi tiết sau:
 + Hạn mức tín dụng: 20 tỷ đồng;
 + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nhưng không vượt quá ngày 02/12/2023;
 + Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ;
 + Số dư vay tại thời điểm cuối kỳ là: 9.344.100.259 đồng;
 + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Đảm bảo bằng tiền gửi của Bên vay tại ngân hàng với tổng giá trị là 3.852.063.069 đồng.

- (2) Các khoản vay cá nhân, người lao động và công đoàn Công ty với lãi suất từ 5,5%/năm đến 12%/năm, theo hình thức tín chấp với thời hạn vay từ 03 tháng đến 12 tháng, số dư vay tại thời điểm 31/12/2022 là: 14.012.173.321 đồng.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	44.000.000.000	356.849.738	18.472.267.627	7.061.340.234	7.518.890.353	77.409.347.952
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	4.655.086.564	800.379.070	5.455.465.634
Công ty Mẹ phân phối lợi nhuận	-	-	441.071.000	(4.410.710.214)	-	(3.969.639.214)
Công ty Cổ phần Tư vấn khảo sát và Xây dựng số 4 phân phối lợi nhuận	-	-	(168.776.285)	(31.783.715)	(390.880.000)	(591.440.000)
Tăng do được giảm thuế TNDN năm trước	-	-	-	22.729.928	-	22.729.928
Số dư cuối kỳ trước	44.000.000.000	356.849.738	18.744.562.342	7.296.662.797	7.928.389.423	78.326.464.300
Số dư đầu kỳ này	44.000.000.000	356.849.738	18.744.562.342	7.296.662.797	7.928.389.423	78.326.464.300
Lãi trong kỳ này	-	-	-	3.767.120.349	610.261.710	4.377.382.059
Phân phối lợi nhuận tại Công ty Mẹ	-	-	3.505.205.026	(3.894.672.251)	-	(389.467.225)
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3 (HEC 3) phân phối lợi nhuận	-	-	-	(690.244.813)	(895.640.924)	(1.585.885.737)
Công ty Cổ phần Tư vấn khảo sát và Xây dựng số 4 phân phối lợi nhuận	-	-	-	(140.887.039)	(332.730.400)	(473.617.439)
Số dư cuối kỳ này	44.000.000.000	356.849.738	22.249.767.368	6.337.979.043	7.310.279.809	80.254.875.958

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước (*)	-	-	49,00	21.560.000.000
Nguyễn Hoàng Linh	32,75	14.410.000.000	-	-
Các cổ đông khác	67,25	29.590.000.000	51,00	22.440.000.000
	100	44.000.000.000	100	44.000.000.000

(*) Ngày 17/01/2022, Tổng Công ty Đầu tư kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) - cổ đông lớn của Công ty đã báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu HEJ của Tổng Công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam (HEC Corp). Theo đó SCIC đã bán ra toàn bộ 2.156.000 cổ phiếu HEJ (tỷ lệ 49%) theo hình thức đấu giá và không còn là cổ đông lớn.

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	44.000.000.000	44.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	44.000.000.000	44.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	4.417.184.700	1.675.630.350
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	607.426.000	3.495.440.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận tại Công ty mẹ</i>	-	3.300.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận tại Công ty con</i>	607.426.000	195.440.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(3.948.534.763)	(753.885.650)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận tại Công ty mẹ</i>	(3.341.108.763)	(558.445.650)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận tại Công ty con</i>	(607.426.000)	(195.440.000)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<u>1.076.075.937</u>	<u>4.417.184.700</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.400.000	4.400.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	4.400.000	4.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.400.000	4.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.400.000	4.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.400.000	4.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	22.249.767.368	18.744.562.342
	22.249.767.368	18.744.562.342

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Cam kết thuê hoạt động**

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 02, ngõ 95 phố Chùa Bộc để sử dụng với mục đích xây dựng làm trụ sở làm việc của Tổng công ty và Công ty In Thủy lợi từ năm 2007 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là 2.060 m2. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại thửa đất số 71, thuộc thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào để sử dụng với mục đích xây dựng kho lưu giữ thiết bị, vật tư phục vụ công tác khảo sát và thăm dò địa chất các công trình thủy lợi và dịch vụ sản xuất từ năm 1993 đến năm 2042. Diện tích khu đất thuê là 4.359 m2. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 52 Đống Đa, phường Tân lập, thành phố Nha Trang để sử dụng với mục đích làm văn phòng từ năm 2009 đến năm 2029. Diện tích khu đất thuê là 507 m2. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 100 Mai Hắc Đế, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An để sử dụng với mục đích xây dựng trụ sở làm việc từ năm 2005 đến năm 2025. Diện tích khu đất thuê là 4.606,7 m2. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký hợp đồng thuê đất số 279/HĐ - TĐ ngày 14 tháng 04 năm 2004 tại Xã Đình Bảng, Huyện Từ Sơn, Bắc Ninh để sử dụng với mục đích xây dựng trụ sở làm việc. Diện tích khu đất thuê là 2.905 m2. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3 (Công ty con) ký hợp đồng thuê đất số 70/2007/HĐTĐ ngày 10 tháng 09 năm 2007 tại số 30 Trịnh Phong, phường Phước Tiến, TP.Nha Trang để sử dụng với mục đích xây dựng trụ sở cơ quan kể từ ngày 27/07/2007 đến ngày 27/07/2027. Diện tích khu đất thuê là 401,5 m2. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4 (Công ty con) được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi cấp quyền sử dụng đất tại Phường Chánh Lộ, Tỉnh Quảng Ngãi với diện tích là 2649 m2 và thời hạn thuê đất đến tháng 01/2026 để sử dụng với mục đích xây dựng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00086.QSDĐ/3320/QĐ-UB ngày 22/11/2002. Theo giấy chứng nhận này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	-	98.834,00

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Cơ khí	1.805.235.869	1.805.235.869
- Công ty Cổ phần Licogi 17	637.500.000	637.500.000

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	120.367.981.666	122.245.417.794
	<u><u>120.367.981.666</u></u>	<u><u>122.245.417.794</u></u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	99.370.804.649	103.700.464.479
	99.370.804.649	103.700.464.479
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)</i>	1.277.241.419	3.434.467.454

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	242.595.827	122.150.856
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	133.043.510	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	782.377.000	730.609.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	208.156.723	-
	1.366.173.060	852.759.856
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)</i>	105.000.000	205.000.000

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.308.117.789	1.169.111.517
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	49.417.000
Chi phí tài chính khác	5.571.451	2.903.239
	1.313.689.240	1.221.431.756

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	574.332.953	350.222.363
Chi phí nhân công	5.463.663.562	6.555.134.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	716.917.368	607.262.887
Thuế, phí, lệ phí	2.605.364.644	2.148.600.175
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.818.940.061	983.312.634
Chi phí khác bằng tiền	3.719.504.451	4.791.745.239
	15.898.723.039	15.436.278.098

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	816.326.559	557.436.364
Tiền cho thuê văn phòng	29.807.459	3.174.950.018
Thu tiền đề tài khoa học	200.000.000	1.152.380.952
Tiền phạt vi phạm hợp đồng thu được	72.000.000	-
Thu nhập khác	315.666.648	10.319.545
	1.433.800.666	4.895.086.879

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	42.812.500	-
Các khoản bị phạt	501.132.060	28.313.792
Chi phí đề tài khoa học	200.000.000	1.210.000.000
Các khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng	190.000.000	-
Chi phí khác	277.789.777	20.842.492
	1.211.734.337	1.259.156.284

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	687.025.295	558.754.157
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3	195.877.399	191.215.919
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	170.332.815	122.604.561
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.053.235.509	872.574.637
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp kỳ này	305.931.463	(22.729.927)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	130.998.359	536.599.604
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(517.312.373)	(1.255.445.955)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	972.852.958	130.998.359

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	3.767.120.349	4.655.086.564
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.767.120.349	4.655.086.564
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.400.000	4.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	856	1.058

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.782.438.952	15.617.380.277
Chi phí nhân công	40.089.788.425	56.437.197.830
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.786.031.307	1.766.461.340
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.982.020.845	23.824.642.917
Chi phí khác bằng tiền	41.208.196.940	30.865.252.599
	119.848.476.469	128.510.934.963

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.281.605.441	-	-	22.281.605.441
Phải thu khách hàng, phải thu khác	95.242.982.804	-	-	95.242.982.804
Các khoản cho vay	3.852.063.069	-	-	3.852.063.069
	<u>121.376.651.314</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>121.376.651.314</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.585.564.805	-	-	20.585.564.805
Phải thu khách hàng, phải thu khác	94.250.832.362	-	-	94.250.832.362
Các khoản cho vay	1.263.600.000	-	-	1.263.600.000
	<u>116.099.997.167</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>116.099.997.167</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Vay và nợ	23.356.273.580	-	-	23.356.273.580
Phải trả người bán, phải trả khác	27.604.992.306	-	-	27.604.992.306
Chi phí phải trả	33.290.405.981	-	-	33.290.405.981
	<u>84.251.671.867</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>84.251.671.867</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	21.802.369.089	-	-	21.802.369.089
Phải trả người bán, phải trả khác	30.682.843.741	-	-	30.682.843.741
Chi phí phải trả	19.317.831.516	-	-	19.317.831.516
	71.803.044.346	-	-	71.803.044.346

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ		1.277.241.419	3.434.467.454
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Công ty liên kết	1.181.970.510	3.313.746.454
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Công ty liên kết	95.270.909	120.721.000
Cổ tức nhận được		105.000.000	205.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Công ty liên kết	105.000.000	105.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Công ty liên kết	-	100.000.000

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
		VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản Trị, Ban kiểm soát			
Võ Văn Lung	Chủ tịch HĐQT	-	108.000.000
Nguyễn Ngọc Lâm	Thành viên	-	64.800.000
Lê Mạnh Hiệp	Thành viên	-	64.800.000
Nguyễn Chí Trường	Thành viên	-	64.800.000
Đỗ Ngọc Cương	Thành viên	-	64.800.000
Nguyễn Mạnh Hải	Chủ tịch HĐQT	81.000.000	-
Lý Thái Hải	Thành viên	48.600.000	-
Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên	48.600.000	-
Lương Cao Anh	Thành viên	48.600.000	-
Đặng Thanh Tú	Thành viên	48.600.000	-
Trương Kiều Minh	Trưởng BKS	36.000.000	-
Nguyễn Thế Tráng	Thành viên BKS	21.600.000	-
Phạm Thúy Quỳnh	Thành viên BKS	21.600.000	-
Bùi Thị Lê	Trưởng BKS	32.400.000	179.591.000
Đoàn Thị Minh Phương	Thành viên BKS	-	28.800.000
Tăng Thành Long	Thành viên BKS	-	28.800.000
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
		VND	VND
Thu nhập của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát			
Nguyễn Ngọc Lâm	Tổng Giám đốc	286.384.000	315.880.000
Võ Văn Lung	Tổng Giám đốc	315.372.800	241.680.000
Phan Kim Yến	Kế toán trưởng	-	238.500.000
Nguyễn Duy Thoan	Phó Tổng Giám đốc	295.551.000	-
Lê Nho Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	55.963.000	-
Đỗ Ngọc Cương	Phó Tổng Giám đốc	95.000.000	-
Nguyễn Hữu Cường	Phó Tổng Giám đốc	-	-

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Phạm Vũ Toàn
Người lập

Đỗ Thị Cẩm Tú
Kế toán trưởng

Lương Cao Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023